

Tiểu luận Kinh tế vĩ mô: Thực trạng tăng trưởng KTVN trong những năm gần đây (2003 - 2008)

– Năm 1986 ,đại hội Đảng đã chấp thuận chính sách đổi mới theo đó cải tổ bộ máy nhà nước và chuyển đổi nền kinh tế theo hướng thị trường .Đến giữa thập niên 90 ,Việt Nam đã bắt đầu hội nhập vào cộng đồng quốc tế ,cho tới nay nước ta đã có rất nhiều các hoạt động mang tầm chiến lược phát triển quốc gia như: 1995 gia nhập ASEAN , hiện nay là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc ,Cộng đồng Pháp ngữ ,APEC, ngày 11-1-2007 chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới .Nhiệm kỳ 2008-2009 Việt Nam được bầu làm thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc

– Với những cố gắng và nỗ lực hết mình nhằm cải cách chính sách để hội nhập nền kinh tế thế giới ,nền kinh tế nước nhà đã có những cơ hội phát triển trông thấy ,biểu hiện là sau hơn 20 năm đổi mới nền kinh tế đã có tốc độ tăng trưởng tăng dần qua từng thời kỳ ,lạm phát được đẩy lùi xuống dưới hai con số ,cơ cấu kinh tế đã có sự thay đổi đáng kể .Qua đó từng bước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế -xã hội ,đưa đất nước thoát khỏi tình trạng đói nghèo ,đời sống nhân dân được cải thiện và ngày càng được nâng cao

– Để nghiên cứu chi tiết về thực trạng tình hình tăng trưởng và phát triển kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây ,để từ đó có thể đưa ra được các giải pháp để phát huy tối đa những nguồn lực cả thuận lợi trong và ngoài nước ,đồng thời có các biện pháp khắc phục các yếu kém còn tồn đọng trong nền kinh tế nhằm đưa nền kinh tế nước ta phát triển lên một tầm cao mới .Tôi quyết định nghiên cứu bức tranh kinh tế nước ta trong vòng 5 năm gần đây nhất 2004-2008

– Vì điều kiện thời gian cũng như mức độ hiểu biết của t«i còn hạn chế,bài tiểu luận khó tránh khỏi những sai sót.Mong thầy và các bạn thông cảm.Rất mong nhận được ý kiến đóng góp để bài tiểu luận được hoàn thiện hơn.Xin chân thành cảm ơn!

I-t'ng tr-ëng kinh t'õ

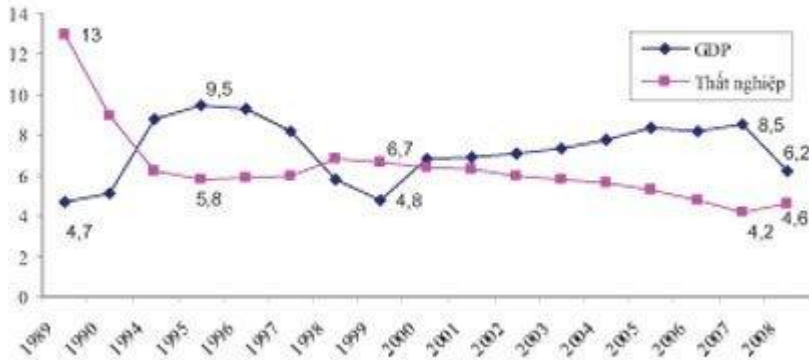
1-Định nghĩa

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản lượng quốc gia (GNP) hoặc quy mô sản lượng quốc gia tính bình quân trên đầu người (PCI) trong một thời gian nhất định

Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

Một trong những thành quả nổi bật của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới chính là tốc độ tăng trưởng kinh tế cao khá ổn định. Thời kỳ từ năm 1986 tới nay là thời kỳ đæi mới, tốc độ tăng trưởng bình quân 1986-1990 là 4,5%, thời kỳ 1991-1995 là 8,2%, thời kỳ 1996-2000 là 7% và từ 2001-2007 là 7,6%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngang bằng Hàn Quốc và chỉ đứng sau Trung Quốc. Bên cạnh những thành tựu về tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế của nước ta trong những năm qua, đã có những chuyển dịch tích cực. Xem xét cơ cấu kinh tế theo ba ngành (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) thì thấy rằng tỉ trọng nông nghiệp trong GDP đã giảm và tỉ trọng công nghiệp đã tăng lên tương ứng, nếu như năm 1995 tỉ trọng nông nghiệp là 27,18% thì năm 2006 xuống còn 20,36% trong khi đó công nghiệp đã tăng từ 28,76% lên 41,56%. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần cũng có những chuyển biến tích cực, tỉ trọng của khu vực nhà nước có xu hướng giảm, tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước ngày càng tăng. Tuy nhiên, do sự phát triển của khoa học công nghệ còn hạn chế nên tăng trưởng kinh tế ở nước ta vẫn chủ yếu dựa vào tăng trưởng theo chiều rộng, dựa vào khai thác tài nguyên do đó sự tăng trưởng này chưa thực sự vững chắc.

BiÓu ®ã t'ng tr-ëng vù thÊt nghiÖp trong c,c chu kú kinh t'õ



2 - Tình hình thực tế

2.1 - năm 2004

2.1.1 - Tình hình chung

Mặc dù gặp khó khăn nhiều mặt: thiên tai, dịch cúm gia cầm và biến động bất lợi của thị trường thế giới, nhưng năm 2004, kinh tế - xã hội của nước ta vẫn phát triển toàn diện và tăng trưởng khá.

Năm 2004 tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 361,4 tỷ đồng (giá 1994) ước tính tăng 7,6% so với năm 2003 (kế hoạch đề ra từ 7,5-8%) trong đó khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,3%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,3%, dịch vụ tăng 7,3%, xu hướng tăng trưởng khá ổn định; quý sau tăng cao hơn quý trước

Do kinh tế tăng trưởng khá, cho nên thu ngân sách cả năm vượt dự toán 11,8% và tăng 17% so với năm 2003. Có 33 trong 64 địa phương đạt số thu thuế hơn 500 tỷ đồng. Chi ngân sách vượt dự toán 9,8% và tăng 16,7% so với năm 2003. Bội chi ngân sách bằng 4,9% GDP, thấp hơn mức Quốc hội cho phép

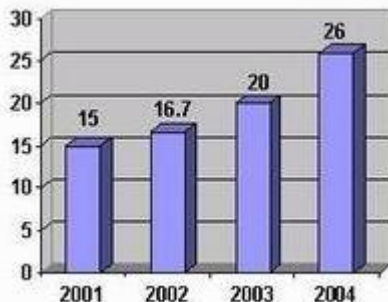
Tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2004 đạt 354 nghìn tỷ đồng (giá năm 1994), tăng 16% so với năm 2003, trong đó khu vực Nhà nước tăng 11,4%; khu vực ngoài quốc doanh tăng 22,8% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng 15,7%. Nguyên nhân chính là do nhu cầu sản phẩm công nghiệp của thị trường trong nước và

xuất khẩu tăng; sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm công nghiệp như thủy sản chế biến, sản phẩm gỗ chế biến, dệt may, giày dép,... có nhiều tiến bộ.

Vượt qua những khó khăn về thiên tai và dịch bệnh, nông nghiệp vẫn được mùa, thủy sản tăng trưởng khá. Sản lượng lương thực ước đạt 39,1 triệu tấn, mức cao nhất từ trước tới nay, tăng 4,2% so với năm 2003. Chăn nuôi chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa rõ hơn, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm có nhiều thay đổi. Sản lượng thủy sản cả năm đạt 3.890.000 tấn, tăng 8,2% so với năm 2003

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trưởng trở lại sau nhiều năm tăng chậm, tính chung cho cả năm đã thu hút 4,1 tỷ USD, trong đó: 2,3 tỷ USD vốn đăng ký mới và 1,8 tỷ USD vốn đăng ký bổ sung, đạt mức cao nhất trong 5 năm gần đây. Các dự án tập trung vào ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 60,5% số vốn đăng ký, các tỉnh, thành phố phía nam chiếm 64,6%, các tỉnh, thành phố phía bắc chiếm 35,4% số vốn đăng ký. Đáng chú ý là, bên cạnh nguồn vốn đầu tư của các dự án mới, năm 2004 còn thu hút thêm vốn đầu tư bổ sung của các dự án cũ, đạt mức cao nhất trong những năm qua. Đó là dấu hiệu tốt lành chứng minh môi trường đầu tư ở Việt Nam đã được cải thiện đáng kể và hiệu quả của các dự án đầu tư đang được nâng lên. Lượng khách du lịch đến Việt Nam đạt kỷ lục mới hơn 2,9 triệu lượt người, lượng kiều hối tăng nhanh đạt trên 3 tỷ USD, chủ yếu gửi về nước dưới dạng đầu tư

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tính chung năm 2004 tăng 18,7% so năm 2003. Về giá hàng hóa và dịch vụ chung cả năm tăng 9,4% so tháng 12-2003. Dù chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng tốc độ tăng giá đã được khống chế dưới hai con số. Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 26 tỷ USD, tăng 30% so năm 2003, bình quân một tháng đạt 2,16 tỷ USD. Hầu hết các mặt hàng chủ yếu có kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2003. Những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 2 tỷ USD có tốc độ tăng cao trong năm nay là: dầu thô tăng 53%, hàng dệt may tăng 19,6%, giày dép tăng 17,3%. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực tăng khá, trong đó cà-phê tăng 33,4%, cao-su tăng 35%, chè tăng 57%, hạt tiêu tăng 40%, hạt điều tăng 48%, thủy sản tăng 7%.



Tổng kim ngạch xuất khẩu qua các năm. Đơn vị tính: tỷ USD

2.1.2. Những tồn tại

Bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản đã đạt được, tình hình kinh tế - xã hội nước

ta năm 2004 vẫn còn những yếu kém. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung còn ở mức thấp so với kế hoạch. Chất lượng tăng trưởng, tính bền vững và độ đồng đều chưa cao. Điều này được thể hiện trong các ngành sản xuất và dịch vụ. Trong công nghiệp, giá trị sản xuất tăng 16% nhưng giá trị tăng thêm chỉ tăng 0,7%. Tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp khai thác còn phụ thuộc vào thị trường thế giới. Giá hàng hóa, dịch vụ trong nước tăng cao. Mục tiêu giảm tỷ lệ sinh 0,04% không đạt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ sinh con thứ ba tăng so với các năm trước đang tiềm ẩn khả năng bùng nổ dân số.

2.1.3 Giải pháp khắc phục và phương hướng

-Để giải quyết những tồn tại trên cần có các giải pháp tích cực, đồng bộ, với sự chỉ đạo sát sao và tổ chức thực hiện nghiêm túc của các ngành, địa phương, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong cả nước.

-Tập trung nguồn vốn cho đầu tư phát triển sản xuất công, nông nghiệp, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và chống thất thoát trong xây dựng cơ bản.

-Tạm ngừng các công trình chưa cần thiết. Giảm chi phí trung gian trong các ngành sản xuất, nhất là trong công nghiệp để tăng tỷ trọng giá trị tăng thêm của các ngành này.

-Phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ, nhất là dịch vụ ngân hàng, tài chính, viễn thông, du lịch... Giải ngân nguồn vốn của các nhà tài trợ 3,4 tỷ USD để tăng nhanh vốn đầu tư phát triển và nâng cấp cơ sở hạ tầng

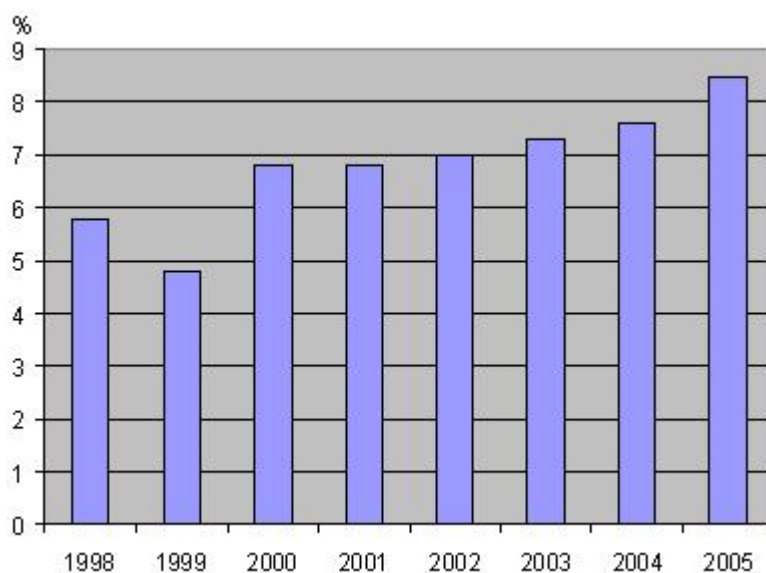
-Thu hút mạnh các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ để khai thác cao nhất tiềm năng và lợi thế hiện có. Các ngành, các cấp, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hành tiết kiệm, tạo động lực tinh thần, khơi dậy tiềm năng sức lực và trí tuệ của cả dân tộc

2.2. Năm 2005

2.2.1 - Tình hình chung

Năm 2005 là năm hoàn thành kế hoạch năm 5 lần thứ tư (2001-2005) của nước ta. Đây cũng là năm đánh dấu mốc tăng trưởng cao nhất từ năm 1997 đến nay. Với tốc độ tăng trưởng 8,4% đã giúp cho tốc độ tăng trưởng trung bình 5 năm đạt mức 7,5%

Biểu đồ tăng trưởng kinh tế 1998-2005



trong @ã

	2001	2002	2003	2004	2005	2001-2005
Tốc độ tăng (%)						
GDP	6,89	7,08	7,34	7,79	8,43	7,51
Nông-lâm-thủy sản	2,98	4,17	3,62	4,36	4,04	3,84
Công nghiệp-xây dựng	10,39	9,48	10,48	10,22	10,65	10,24
Dịch vụ	6,10	6,54	6,45	7,26	8,48	6,97
Đóng góp vào tăng trưởng GDP theo điểm phần trăm						
GDP	6,89	7,08	7,34	7,79	8,43	7,51
Nông-lâm-thủy sản	0,69	0,93	0,79	0,92	0,82	0,83
Công nghiệp-xây dựng	3,68	3,47	3,92	3,93	4,19	3,84
Dịch vụ	2,52	2,68	2,63	2,94	3,42	2,84
GDP	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Nông-lâm-thủy sản	10,07	13,20	10,76	11,80	9,78	11,12
Công nghiệp-xây dựng	53,39	48,95	53,37	50,48	49,71	51,18
Dịch vụ	36,54	37,85	35,86	37,72	40,52	37,70

Bảng 1: Tăng trưởng GDP và đóng góp vào tăng trưởng GDP theo ngành, 2001-2005

Do chiếm tỷ trọng lớn trong GDP và có tốc độ tăng giá trị tăng thêm cao nhất (10,6%), nên năm 2005 công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực có đóng góp lớn nhất vào tốc độ tăng trưởng chung, chiếm tới 49,7%. giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành ước đạt 416,863 tỷ đồng, tăng 17,2% so năm 2004. Tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục tăng từ 40,1% năm 2004 lên 40,8% năm 2005. Khu vực nông - lâm - thủy sản chịu nhiều tác động bất lợi của thời tiết, dịch cúm gia cầm và biến động của thị trường; tốc độ tăng trưởng của khu vực nông-lâm-thủy sản ước đạt 4,0%, đóng góp 9,8%. Giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ ước tăng 8,5%. Năm 2005 là năm khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1997 và lần đầu tiên cao hơn mức tăng trưởng GDP của toàn bộ nền kinh tế. Kết quả là khu vực dịch vụ đóng góp tới 40,5% một mức đóng góp lớn nhất trong 5 năm qua. Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 38,1% năm 2004 lên 38,5% năm 2005. Chuyển dịch cơ cấu ngành đã có sự biến đổi nhưng chưa nhiều và mạnh.

Thực hiện vốn đầu tư xã hội năm 2005 theo giá thực tế ước đạt 326 nghìn tỷ VNĐ, tương đương với 38,9% GDP. Theo giá so sánh, vốn đầu tư xã hội năm 2005 chỉ tăng khoảng 10,5% và mức tăng này vẫn thấp hơn mức 11,6% của năm 2004. Trong ba thành phần kinh tế, vốn đầu tư của khu vực FDI tăng nhanh nhất, khoảng 16,4%, cao gấp gần 2,8 lần mức tăng của vốn nhà nước. Khu vực ngoài quốc doanh cũng có mức tăng trưởng rất cao, gần bằng khu vực có vốn ĐTNN (15,7%). Vốn đầu tư nhà nước chỉ tăng 5,9%, do đó, tỷ trọng của khu vực này giảm nhanh hơn so với năm 2004.

Năm 2005, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng rất mạnh, ước đạt tới 32,2 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2004. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2005 ước đạt 36,98 tỷ USD, tăng 4,93 tỷ USD hay 15,4% so với năm 2004. Tuy nhiên, đây là năm có tốc độ tăng nhập khẩu hàng hóa thấp nhất kể từ năm 2002.

Thương mại nội địa năm 2005 tiếp tục khởi sắc. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội (TMBLHH&DTDVXH) ước đạt khoảng 475,4 nghìn tỷ VNĐ. Nếu loại trừ yếu tố lạm phát thì TMBLHH&DTDVXH thực tăng 12,1%. Đây là năm TMBLHH&DTDVXH đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 5 năm lại đây.

2.2.2. Những khó khăn và thách thức

Tuy nhiên cùng với sự tăng trưởng này nền kinh tế nước ta đã phải chịu mức lạm phát cao ở mức 8,4% (mức cao thứ 3 kể từ năm 1998) vượt xa chỉ tiêu 6,5% Chính Phủ đề ra. Giá tăng gây lo lắng trong dân chúng vì tiền lương và các khoản hưu trí chưa kịp điều chỉnh hợp lý để đuổi kịp giá cả đang tăng cao.

Mức đầu tư cao nhưng hiệu quả đầu tư thấp sẽ hạn chế khả năng tăng trưởng của Việt Nam trong dài hạn.

-Dịch cúm gia cầm đang tạm lắng xuống, nhưng nguy cơ tái bùng phát khi thời tiết lạnh hơn vào tháng 2 và tháng 3 còn rất cao.

-Xuất khẩu các mặt hàng truyền thống có tính cạnh tranh thấp và tăng chủ yếu trong năm 2005 do yếu tố giá tăng, không mang tính bền vững và lành mạnh.

- Các doanh nghiệp quốc doanh tiếp tục hoạt động trì trệ hơn các thành phần khác, và cần được cải tổ dứt khoát hơn.
- Bất đồng giữa người lao động và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về vấn đề lương bổng và điều kiện làm việc có dấu hiệu gia tăng.
- Vì nhiều lĩnh vực kinh tế sẽ được mở rộng hơn nữa trong năm tới, nên cạnh tranh nước ngoài sẽ trở thành một trong những thử thách lớn nhất mà các nhà sản xuất trong nước phải đối mặt trong năm 2006.

2.2.3. Giải pháp

- Đề ra chỉ tiêu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ năm 2006-2010 một cách toàn diện và sát thực, chú trọng đến vấn đề lạm phát đang còn tồn tại
- Cải cách luật pháp sao cho gọn nhẹ nhưng phải cứng rắn, chính sách thông thoáng nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực thế mạnh của nước nhà
- Cải tạo hệ thống giao thông vận tải, thủy lợi là vấn đề cấp thiết đối với phát triển kinh tế trong thời kỳ hội nhập.

2.3-Năm 2006

Nền kinh tế nước ta năm 2006 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao. Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu do Quốc hội đề ra đều đạt và vượt kế hoạch. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng gần 8,2% (kế hoạch 8%), trong đó khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,23% (kế hoạch 3,8%), khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,46% (kế hoạch 10,2%), riêng công nghiệp tăng 10,28% và khu vực dịch vụ tăng 8,26%, kế hoạch tăng 8%). Đáng chú ý là tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ sau cao hơn thời kỳ trước

Thu chi ngân sách : Do kinh tế tăng trưởng khá nên tình hình tài chính lành mạnh. Tổng thu ngân sách năm 2006 ước đạt trên 261,1 nghìn tỉ đồng vượt dự toán 9,8% (dự toán là 237,9 nghìn tỉ đồng), tăng 20,3% so năm 2005. Các khoản thu lớn trong nước đều tăng khá và đạt kế hoạch đề ra. Tổng chi ngân sách ước đạt trên 315 nghìn tỉ đồng, vượt dự toán (dự toán 294,4 nghìn tỉ đồng) và tăng 20% so với năm 2005. Các khoản chi lớn như: đầu tư phát triển, lương và bảo hiểm xã hội, phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, điều chỉnh lương tối thiểu, chi đột xuất hỗ trợ vùng bị thiên tai, phòng chống dịch bệnh, sâu bệnh... đều được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng

Năng lượng thủy sản : Sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản vẫn tăng trưởng. Giá trị sản xuất khu vực này năm 2006 ước tăng 4,15% so năm 2005, trong đó nông

nghiệp tăng 3,1%, lâm nghiệp, tăng 1,0%, thủy sản tăng 8,5%. Dù bị thiên tai, sâu bệnh phá hoại nặng nề nhưng sản xuất lương thực vẫn phát triển. Diện tích lúa cả năm 2006 đạt 7,32 triệu héc ta, xấp xỉ năm 2005, năng suất đạt 48,9 tạ/ha, tăng 0,1% và sản lượng đạt 35,83 triệu tấn, bằng năm 2005. Sản xuất lâm nghiệp tuy có khó khăn về nguồn vốn, nhưng diện tích rừng trồng tập trung năm 2006 vẫn tăng 2,9% so năm 2005.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển và một số đàn tăng trưởng khá: đàn bò đạt 6,5 triệu con tăng 17,5%, chủ yếu tăng đàn bò thịt... Đàn lợn đạt 26,9 triệu con, tăng khoảng 3%. Đàn gia cầm đã khôi phục sau dịch cúm, đạt 214,5 triệu con xấp xỉ cùng kỳ năm 2005. Sản lượng thịt hơi các loại tăng đạt 3,1 triệu tấn, tăng 9,3%. Thủy sản vẫn tăng khá, nhất là nuôi trồng thủy sản. Tổng sản lượng thủy sản năm 2006 ước đạt trên 3,68 triệu tấn tăng khoảng 8% so với năm 2005. Trong đó sản lượng thủy sản khai thác ước đạt khoảng 2 triệu tấn, tăng 1% so năm 2005. Đối với khai thác nội địa, năm nay lũ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lớn hơn so với năm trước nên tôm cá về nhiều, người dân được mùa khai thác.

Sản xuất công nghiệp tăng khá, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2006 ước tăng 17% so với năm 2005, trong đó khu vực nhà nước tăng 9,4%, khu vực ngoài nhà nước tăng 22,4% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 19,5%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá cao, trong đó: than ước tăng 20,8%, sản xuất thực phẩm và đồ uống tỷ trọng 21,5%, trong đó giá trị xuất khẩu thủy sản chế biến tăng 24,6%; sản xuất các sản phẩm từ da giày tỷ trọng 4,7% tăng 18,4%; sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tỷ trọng 2%, tăng 23,15 (trong đó giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tăng 24,6%); sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic tỷ trọng 5,25, tăng 26,8% (trong đó giá trị xuất khẩu các sản phẩm nhựa tăng 38%); sản xuất các phương tiện vận tải khác (chủ yếu là đóng mới và sửa chữa tàu thuyền) tỷ trọng 4,3% và tăng 22,8%; quần áo may sẵn tăng 18,5%, Nét mới của công nghiệp năm 2006 là một số sản phẩm đã đạt chất lượng cao đứng vững trên thị trường trong nước và xuất khẩu, trong đó đáng chú ý là công nghiệp đóng tàu xuất sang EU với công suất lớn, đi biển dài ngày, sản xuất phân hóa học, sản xuất và lắp ráp điện tử, tin học, sản phẩm đồ gỗ...

Đầu tư xây dựng có tiến bộ, nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm 2006 ước đạt khoảng 41% GDP, là mức cao nhất trong nhiều năm qua (vốn của các doanh nghiệp dân doanh chiếm tỷ trọng gần 33%). Đây là sự cố gắng lớn trong việc huy động các nguồn lực của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển và là yếu tố thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Năm 2006, tổng số vốn FDI đăng ký mới và đầu tư bổ sung đạt trên 10,2 tỉ USD, mức cao nhất kể từ năm 1988 (8,6 tỉ USD năm 1995). Vốn bình quân 1 dự án 8,4 triệu USD, tăng 1,2 triệu USD năm 2005. Chỉ trong 1 ngày trong tháng 11-2006, Việt Nam đã thu hút 2 tỉ USD vốn đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài, đạt mức kỷ lục so với các năm trước.

Nét nổi bật trong thương mại năm 2006 có 3 sự kiện lớn: Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO, Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Quy chế Thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Việt Nam và xuất khẩu đạt 39,6 tỉ USD vượt xa kế hoạch đầu năm, tăng 22,1% so với năm trước. Ba sự kiện đó đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động thương mại của Việt Nam trong quá trình hội nhập sâu vào kinh tế thế giới.

Thị trường trong nước vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ toàn xã hội năm 2006 ước tăng 20,4%, nếu loại trừ tốc độ trượt giá cũng tăng 11%; doanh thu du lịch tăng 28,5%.

Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 40 tỉ USD, tăng 24% so năm 2005. Điều đáng chú ý là hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng trưởng cao và đạt kim ngạch cao. Đã có 9 mặt hàng có giá trị xuất khẩu đạt trên 1 tỉ USD là gạo, cao su, dầu thô, hàng dệt may, giày dép, sản phẩm gỗ, thủy sản, điện tử, máy tính, hàng hóa khác...

Kim ngạch nhập khẩu cả năm 2006 ước đạt 44 tỉ USD tăng 20% so năm trước. Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, nhiên liệu, nguyên liệu, phụ liệu dệt may. Hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng nhỏ. Nhập siêu năm 2006 ước đạt 4,4 tỉ USD, bằng 10,4% kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn năm 2005.

Hoạt động du lịch tuy chưa đều nhưng lượng khách quốc tế đến Việt Nam cả năm đạt khoảng trên 3,56 triệu lượt người, tăng gần 3,7% so năm 2005. Khách đến từ các nước ASEAN, châu Á và châu Âu tăng mạnh, trong đó từ Xin-ga-po tăng 24,3%, từ Ma-lai-xi-a tăng 23,4%, từ Hàn Quốc tăng 29,3%, từ Thái Lan tăng 38%, từ Na Uy tăng 24,8%; từ Đan Mạch tăng 21%...

2.3.2-những yếu kém còn tồn tại

Bên cạnh thành tựu và tiến bộ, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2006 vẫn còn nhiều yếu kém và bất cập. Tốc độ tăng GDP chưa vững, chưa đều và còn thấp so với tiềm năng. Chất lượng của sự tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và không đều. Tình trạng thất thoát nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên và lao động còn lớn. Tham nhũng, lãng phí tài sản nhà nước, ngân sách quốc gia vẫn còn nghiêm trọng. Công tác cải cách hành chính chưa đạt

yêu cầu. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chậm và không đạt kế hoạch. Các cân đối vĩ mô của nền kinh tế - tài chính chưa vững chắc. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, nhất là vùng nông thôn, miền núi. Một số vấn đề về phát triển kinh tế bền vững... còn nhiều hạn chế. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO và có PNTR còn nhiều bất cập. Nợ nước ngoài đã chạm ngưỡng khung an toàn... Những hạn chế và bất cập đó thể hiện rõ trong từng ngành và lĩnh vực kinh tế.

2.3.3-nguyên nhân

- Trong nông nghiệp chỉ đạo chưa kiên quyết ,sát sao trong khi dịch bệnh bùng phát trên diện rộng và có vẫn có nguy cơ bùng phát lại
- Trong chăn nuôi :dịch cúm gia cầm đã được khống chế nhưng công tác kiểm dịch chưa nghiêm, tình trạng giết mổ gia cầm phân tán còn phổ biến >>nguy cơ tái dịch khó lường có thể xảy ra
- Thủy lợi chưa đảm bảo ,đến khi có lũ lụt xảy ra thì thiệt hại vô cùng nặng nề
- Trong công nghiệp :chất lượng và sức cạnh tranh của một số sản phẩm trong công nghiệp khu vực nhà nước còn hạn chế ,cổ phần hóa doanh nghiệp còn chậm ,cơ sở hạ tầng yếu kém ,luật kinh tế chưa đồng bộ ,công tác quản lý và trình độ kỹ thuật của cán bộ và công nhân chưa theo kịp yêu cầu chất lượng
- Nhiều quy hoạch chưa hoàn thiện,vốn giải phóng mặt bằng ,giá cả vật tư ,nhiên liệu tăng nhanh và không ổn định .Vấn đề thu hút vốn FDI lại quá tập trung vào công nghiệp và dịch vụ ,ít quan tâm đến nông nghiệp trong khi nông nghiệp lại là ngành thế mạnh của nước ta
- Tốc độ xuất khẩu cao nhưng chưa vững...

2.3.4-giải pháp

- Cải cách hành chính và pháp luật để chuẩn bị gia nhập WTO, chuẩn bị cả tinh thần và trí lực để hội nhập nền kinh tế thế giới .Chúng ta đã có luật Đầu tư và Doanh nghiệp năm 2005 nên cần cụ thể hóa và tiến hành rà soát lại các thủ tục cần thiết ,tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư
- Trong nông lâm thủy sản cần có những biện pháp chỉ đạo sát sao ,kịp thời không để dịch bệnh lây lan ,có các biện pháp phòng tránh kịp thời khi có thiên tai bão lũ xảy ra ,hạn chế tối đa thiệt hại

-Rà soát lại toàn bộ các quy hoạch để xóa các quy hoạch treo ,vì quy hoạch có đóng góp rất lớn trong nền kinh tế đang phát triển như nước ta

-Tiếp tục khắc phục các điểm yếu về cơ sở hạ tầng ,nhà nước cần tính toán ,thống nhất lại quy hoạch để xây dựng những cơ sở hạ tầng quan trọng có tác động lớn tới phát triển kinh tế .Tìm kiếm và đề xuất nguồn lực để trong những năm tới có sự chuyển biến về hạ tầng

2.4-Năm 2007

2.4.1 - Bối cảnh chung

Trong bối cảnh khó khăn nhiều hơn thuận lợi, song dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, sự điều hành sát sao của Chính phủ, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và hàng chục triệu hộ sản xuất kinh doanh cá thể trong cả nước đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi để phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh dịch vụ. Nhờ đó kinh tế cả nước trong năm 2007 tiếp tục phát triển toàn diện và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Kinh tế tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ là thành tựu nổi bật nhất, cơ bản nhất của nền kinh tế Việt Nam năm 2007. Tổng sản phẩm trong nước ước tăng 8,44%, đạt kế hoạch đề ra (8,0 - 8,5%), cao hơn năm 2006 (8,17%) và là mức cao nhất trong vòng 11 năm gần đây. Với tốc độ này, Việt Nam đứng vị trí thứ 3 về tốc độ tăng GDP năm 2007 của các nước châu Á sau Trung Quốc (11,3%) và Ấn Độ (khoảng 9%) và cao nhất trong các nước ASEAN (6,1%). Tốc độ tăng trưởng GDP cả 3 khu vực kinh tế chủ yếu đều đạt mức khá

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá cao. Tính chung năm 2007, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 1994) ước tăng 17,0% so với năm 2006, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 10,4% (trung ương quản lý tăng 13,4%; địa phương quản lý tăng 3,5%); khu vực ngoài nhà nước tăng 20,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,0% (dầu mỏ và khí đốt giảm 7,37%, các ngành khác tăng 23,1%).

Nếu không có thiên tai, dịch bệnh lớn như vừa trải qua, tốc độ tăng GDP chắc chắn còn cao hơn 8,5%. Cơ cấu kinh tế theo giá thực tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng GDP khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản giảm còn dưới 20,0%/ so với 20,81% năm 2006, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng dần và chiếm trên 41,7% so với 41.56% và khu vực dịch vụ tăng nhẹ, chiếm 38,30% so với 38,08% trong 2 năm tương ứng. Nét mới trong năm 2007 là tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng cao và tốc độ tăng khá ổn định, quý sau cao hơn quý trước, trong điều kiện có khó khăn nhiều mặt, nhất là dịch vụ vận tải, du lịch, thương mại, tài chính ngân hàng trong bối cảnh hội nhập WTO

Bảng - Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm từ 1997 - 2007 (%)

Năm	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
GDP	8,15	5,76	4,77	6,79	6,89	7,08	7,34	7,79	8,44	8,17	8,44
NLTS	4,33	3,53	5,53	4,63	2,89	4,17	3,62	4,36	4,02	3,3	3,0
CNX	12,6	8,33	7,68	10,0	10,3	9,48	10,4	10,2	10,6	10,3	10,4
D	2		7	9		8	2	9	7		
DV	7,14	5,08	2,25	5,32	6,10	6,54	6,45	7,26	8,48	8,29	8,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2006, tr 69)

Thu chi chính phủ: Do kinh tế tăng trưởng cao nên tình hình tài chính lành mạnh, thu chi ngân sách nhà nước cân đối, bội chi ngân sách trong phạm vi Quốc hội cho phép. Theo Bộ Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước cả năm 2007 ước đạt 287.900 tỉ đồng, vượt dự toán cả năm (dự toán 281.900 tỉ đồng) và tăng 11,6% so với năm 2006. Tổng số chi ngân sách nhà nước cả năm 2007 ước đạt dự toán năm. Bội chi ngân sách cả năm ước đạt 5% GDP.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt mức kỷ lục: Ước tính vốn đăng ký mới và vốn tăng thêm của các dự án cũ bổ sung cả năm 2007 đạt trên 20,3 tỉ USD, tăng 8,3 tỉ USD, so năm 2006 (12 tỉ USD), vượt kế hoạch 7 tỉ USD và là mức cao nhất từ trước đến nay. Tổng số vốn FDI năm 2007 đạt mức gần bằng vốn đầu tư của 5 năm 1991 - 1995 là 17 tỉ USD và vượt qua năm cao nhất 1996 là 10,1 tỉ USD. Vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào dịch vụ 63,7% và công nghiệp 35,0%, ngành nông - lâm nghiệp thủy sản 1,3%. Vốn đầu tư thực hiện năm 2007 ước đạt 5,1 tỉ USD, tăng 1,2 tỉ USD (30,7%) so năm 2006 (39,56 tỉ USD).

Cùng với tăng vốn FDI, lượng kiều hối đổ về Việt Nam tiếp tục tăng cao. Dự kiến cả năm 2007, lượng kiều hối của người Việt Nam ở nước ngoài gửi về qua kênh chính thức đạt 5,5 tỉ USD so với mức 4,7 tỉ USD năm 2006 và gấp 157 lần năm 2001. Tốc độ tăng bình quân 37%/năm đưa lượng kiều hối gửi qua kênh chính thức được thực hiện từ năm 1991 đến 2007 lên con số 29,4 tỉ USD, chiếm 70% vốn FDI, tính từ năm 1998 và cao gấp rưỡi vốn ODA được giải ngân kể từ 1993. Nguồn vốn kiều hối năm 2007 chủ yếu là giúp người thân trong nước đầu tư chứng khoán, kinh doanh địa ốc, một phần mua sắm tài sản, hàng hóa, lễ hội vào dịp cuối năm.

Xuất khẩu đạt mức cao nhất từ trước đến nay và tăng trưởng với tốc độ cao: Ước tính cả năm kim ngạch xuất khẩu đạt 47,7 tỉ USD, tăng 21% so năm 2006 (7,9 tỉ USD) và

vượt 15,5% so kế hoạch. Trong đó khu vực kinh tế trong nước chiếm 42% và tăng 22,3%; khu vực FDI chiếm 58% và tăng 18,4%, (kể cả dầu thô) nếu không có dầu thô, tăng 30,4% so với năm 2006). Có 10 mặt hàng đạt trên 1 tỉ USD. Hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất là: dệt may đạt 7,8 tỉ USD, tăng 31% vượt qua dầu thô; dầu thô giảm bằng 97,7%, giày dép tăng 9,5%; thủy sản, tăng 11,9%; sản phẩm gỗ tăng 23,7%; điện tử, máy tính tăng 24,6%. Gạo xuất khẩu đạt 4,5 triệu tấn giảm 3,4% nhưng kim ngạch là 1,5 tỉ USD tăng 14% do giá xuất khẩu thế giới tăng. Cà phê tăng 52,3%, cao su tăng 5,3% so với năm 2006.

Du lịch khởi sắc: Năm 2007 cả nước đã đón trên 4,3 triệu lượt khách quốc tế, tăng 19% so cùng kỳ 2006, là mức cao nhất từ trước đến nay. Khách đến với mục đích du lịch tăng cao 25,4%, khách đến vì công việc tăng 13,7%; khách đến thăm thân nhân tăng 7,3%. Lượng khách đến du lịch Việt Nam tăng nhanh trong năm 2007 là Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po. Pháp, I-ta-li-a, Nga, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ, LB. Đức. Hoạt động du lịch nội địa khởi sắc, chất lượng du lịch đã được cải thiện đáng kể so năm 2006.

Những thành tựu trên đây đã nâng vị thế của Việt Nam lên tầm cao mới. Quy mô nền kinh tế đã lớn mạnh hơn so năm 2006. Thu nhập quốc dân theo GDP năm 2007 tính bình quân đầu người đạt 835 USD, tăng 15 USD so kế hoạch. Dự trữ ngoại tệ đạt 20 tỉ USD, là mức cao so với các năm trước. Trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh của năm 2007, những kết quả đạt được về kinh tế như trên là những thành tựu to lớn, cơ bản và rất đáng tự hào. Nguyên nhân của những thành tựu đó có nhiều, trong đó đường lối đổi mới của Đảng và các chính sách kinh tế tài chính có tác dụng kích thích sản xuất, mở rộng dịch vụ của Nhà nước và sự điều hành của Chính phủ có vai trò quyết định.

2.4.2-những tồn tại

-Sau 1 năm gia nhập WTO nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể, song cũng còn không ít những bất cập còn tồn tại trong nền kinh tế

-Sự tăng trưởng chủ yếu vẫn dựa vào chiều rộng. Kinh tế tăng trưởng, nhưng tính chất của nền kinh tế gia công và khai khoáng chưa thay đổi nhiều

-Hiện tượng lạm phát chưa kiểm soát được; bong bóng của thị trường bất động sản căng phồng và đang như “con ngựa bất kham” trước Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ...

-Những điểm yếu của nền kinh tế vốn tồn tại nhiều năm nay như kết cấu hạ tầng yếu kém, nhất là giao thông, thủy lợi, điện đã bộc lộ rõ nét qua thiên tai năm 2007... không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế bền vững với tốc độ cao. Do vậy khả năng phòng chống thiên tai, dịch bệnh hạn chế, thiệt hại gây ra rất nặng nề, hậu quả để lại là rất nghiêm trọng và lâu dài. Cụ thể là vụ sập nhịp cầu Cần Thơ gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của. ...

-Sự phát triển thị trường lao động không gắn liền với chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nên dẫn đến tình trạng thừa và thiếu trong quan hệ cung – cầu. Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước nghịch lý: Thừa vốn, thiếu lao động (lao động có kỹ năng, được đào tạo), mà đứng ra phải là ngược lại. và khai khoáng hoàn toàn chưa thay đổi

2.4.3-giải pháp

-Cần đặc biệt tập trung vào những vấn đề quan trọng, bức thiết nhằm mục tiêu ưu tiên hàng đầu hiện nay là kiềm chế lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, quan tâm vấn đề an sinh xã hội, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý để bảo đảm cho sự phát triển cao, bền vững ở những năm sau

-Chú trọng nâng cao cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế

-Tập trung vào công tác đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng ,có phẩm chất đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp đang đầu tư vào nước ta trong những năm tới

2.5-năm 2008

2.5.1-tình hình chung

Năm 2008, kinh tế nước ta phát triển trong bối cảnh khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Nhiều nền kinh tế lớn đang vật lộn với khủng hoảng tài chính nặng nề. ở trong nước, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra, nhất là đợt rét đậm lịch sử đầu năm, 10 cơn bão kéo theo lũ lụt lịch sử kéo dài từ giữa năm đến cuối năm, trên diện rộng, từ Bắc vào Nam. Mưa lớn gây ngập úng ở thủ đô Hà Nội, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất, kinh doanh và đời sống dân cư, kết cấu hạ tầng... Thuận lợi tuy có, nhưng không nhiều: năm thứ 2 gia nhập WTO, nên thị trường xuất khẩu được mở rộng, nguồn lực các năm trước, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm 2007 chuyển sang khá lớn; thành quả và kinh nghiệm tích lũy trong hơn 20 năm đổi mới...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quyết liệt của Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện 8 nhóm giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, nên tình hình kinh tế cả nước năm 2008 vẫn phát triển toàn diện và có mức tăng trưởng khá.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,23% so với năm 2007, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,79%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,33%; khu vực dịch vụ tăng 7,2%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2008 tính theo giá so sánh 1994 ước tăng 5,6% so với năm 2007, bao gồm giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5,4%; lâm nghiệp tăng 2,2%; thủy sản tăng 6,7%.

Tuy gặp nhiều khó khăn do giá cả đầu vào tăng nhanh, đặc biệt giá dầu không ổn định nhưng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2008 theo giá so sánh 1994 ước tính vẫn tăng 14,6% so với năm 2007, bao gồm khu vực kinh tế nhà nước tăng 4%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 18,8%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,6%, trong đó dầu khí giảm 4,3%.

Hoạt động dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế năm 2008 ước tính tăng 31% so với năm 2007, trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 20,4%; kinh tế cá thể tăng 32,2%, kinh tế tư nhân tăng 34,3%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 20,9%. Xét theo ngành kinh doanh, thương nghiệp tăng 31,5%; khách sạn, nhà hàng tăng 26,2%; dịch vụ tăng 31,3% và du lịch tăng 41,8%. Hoạt động bưu chính - viễn thông tiếp tục phát triển, nhất là dịch vụ viễn thông. Tổng số điện thoại cố định của cả nước tính đến hết tháng 12-2008 là 13,1 triệu thuê bao, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường internet tiếp tục phát triển.

Số khách quốc tế đến nước ta năm 2008 ước tính đạt 4,3 triệu lượt người, tăng 0,6% so với năm trước, trong đó khách đến với du lịch, nghỉ dưỡng là 2,6 triệu lượt người, tăng 1%; đến vì công việc là 844,8 nghìn lượt người, tăng 25,4%.

Kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô Nhờ xác định rõ các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình trạng lạm phát liên tục tăng cao trong năm 2008, Đảng và Chính phủ đã điều chỉnh và thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ như thắt chặt tiền tệ, tín dụng, điều chỉnh cơ chế lãi suất, tỷ giá; tiết kiệm chi tiêu ngân sách, sắp xếp lại kế hoạch đầu tư, cắt giảm các dự án đầu tư kém hiệu quả; điều chỉnh thuế quan, khuyến khích xuất khẩu và tăng cường quản lý nhập khẩu, giảm nhập siêu; chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp giảm chi phí sản xuất, chống đầu cơ, tăng cường quản lý thị trường giá cả; tiếp tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, cân đối cung - cầu... Nhờ vậy, tình hình thị trường đang từng bước ổn định trở lại.

Tốc độ tăng giá tiêu dùng so với tháng trước của những tháng đầu năm liên tục tăng 2-3%, nhưng đến tháng 7-2008 chỉ còn tăng 1,13% và đến tháng 12-2008 đã giảm được 0,68%. Theo Báo cáo của Bộ Tài chính, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2008 ước tính tăng 26,3% so với năm 2007 và bằng 123,8% dự toán năm. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2008 ước tính tăng 22,3% so với năm 2007 và bằng 118,9 % dự toán năm.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục tăng cao. Tính đến ngày 19-12-2008, cả nước đã thu hút được 64 tỉ USD vốn đăng ký, gấp gần 3 lần năm 2007. Thu hút vốn ODA có nhiều chuyển biến tích cực. Tại Hội nghị tổ chức tại Hà Nội đầu tháng 12-2008, các nhà tài trợ quốc tế cam kết tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trên 5 tỉ USD.

Cán cân thương mại được cải thiện vào những tháng cuối năm. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2008 ước tính đạt 62,9 tỉ USD, tăng 29,5% so với năm 2007. Tám nhóm mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỉ USD là dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản,

gạo, sản phẩm gỗ, điện tử máy tính và cà phê. Các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam năm 2008 là Mỹ, ASEAN, EU, Nhật Bản.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2008 ước đạt 80,4 tỷ USD, tăng 28,3% so với năm 2007. Nhập siêu hàng hóa đã được kiềm chế và giảm dần từ mức gần 2,2 tỷ USD (tháng 1-2008), xuống còn 500 triệu USD vào tháng 12-2008. Tổng nhập siêu năm 2008 ước tính là 17,5 tỷ USD, bằng 27,8% trị giá xuất khẩu.

Các cam kết hội nhập vẫn được Việt Nam tôn trọng nghiêm túc. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài đang có những dấu hiệu rất tốt, đặc biệt kết quả thu hút FDI đạt mức kỷ lục với vốn đăng ký khoảng 65 tỷ USD. Vốn cam kết ODA của các nhà tài trợ trong năm 2008 đạt tới 5,43 tỷ USD. Đầu tư gián tiếp nước ngoài có dấu hiệu tăng trở lại, với 46 quỹ ĐTNN chuyên đầu tư vào Việt Nam, chủ yếu nhằm vào thị trường BĐS và tài chính ngân hàng. Tỷ trọng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài đang tăng dần và hiện chiếm trên 20% thị phần TTCK Việt Nam...

Tổ chức Tư vấn và Kiểm toán thế giới PriceWaterHouseCoopers xếp Việt Nam thứ nhất trong số 20 nền kinh tế đang lên và có sức hấp dẫn cao với các nhà đầu tư vào ngành sản xuất, trong đó có công nghiệp phụ trợ.

II-Đánh giá chung

Sau hơn 20 năm cải cách nền kinh tế nước ta đã có được những thành tích đáng ghi nhận :nền kinh tế ngày càng ổn định và phát triển,lạm phát được đẩy lùi , đời sống dân cư được nâng cao ,cơ cấu kinh tế đã và đang có sự chuyển đổi theo hướng tích cực...được quốc tế đánh giá là một nền kinh tế có tốc độ phát triển kinh tế nhanh trong khu vực, những thành quả đạt được đã đưa nước ta lên một tầm cao mới trên trường quốc tế ,ngày càng được các nước trên thế giới biết đến và công nhận

Nguyên nhân mà nền kinh tế nước ta đạt được những thành tựu như trong những năm gần đây là Nước ta có đủ các điều kiện về cả tài nguyên thiên nhiên ,lao động ,sức hút đầu tư ,khoa học kỹ thuật để phát triển một nền kinh tế toàn diện và năng động

- Nước ta nằm trong vùng khí hậu cận xích đạo ,mưa nhiều .Mặt khác có một bờ biển dài và hệ thống sông ngòi chằng chịt rất thuận lợi cho giao thông và phát triển nông lâm ngư nghiệp
- Nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú ,với những khoáng sản có trữ lượng lớn ,là nguồn nguyên liệu và nguồn xuất khẩu rất lớn .Một mặt thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp trong nước ,mặt khác cũng là một nguồn thu lớn cho chính phủ
- Với nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc ,những nét văn hoá đặc sắc,những khu du lịch nổi tiếng đã được xếp hạng trên thế giới là một thế mạnh du lịch

của nước ta ,Hàng năm thu hút hàng chục triệu lượt khách du lịch, đó là một nguồn thu không nhỏ của nhà nước

- Dân số nước ta được xếp vào nước có dân số trẻ ,số người trong độ tuổi lao động khá lớn ,với sự chăm chỉ ,cần cù và khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh ,giá lao động khá rẻ là một lợi thế để phát triển nền kinh tế trong nước đang trong thời kỳ phát triển và thu hút đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam
- Cơ sở vật chất ,hạ tầng ngày càng được cải thiện ,tuy chưa đáp ứng được sự tăng trưởng bền vững của kinh tế những cũng đã phân nào tạo đà để nền kinh tế tiếp tục phát triển
- Khoa học kỹ thuật được áp dụng vào hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế từ nông ,công nghiệp cũng như các ngành khác , đem lại năng suất lao động cao ,giảm công lao động đồng nghĩa với hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài
- Đặc biệt những chính sách , đường lối đúng đắn, kiên quyết của Đảng và Nhà nước đã mở ra rất nhiều cơ hội mở rộng giao lưu hợp tác với nước ngoài nhằm thu hút đầu tư ,giao thương buôn bán ,chuyển giao công nghệ ,giao lưu văn hoá

Thành tựu đạt được thì không thể phủ nhận song bên cạnh đó nền kinh tế nước ta cũng còn rất nhiều những khó khăn và hạn chế nhất định như

- Thiên tai và dịch bệnh xảy ra thường xuyên gây ra những thiệt hại vô cùng nặng nề đã chứng tỏ khả năng phòng chống của chúng ta chưa thực sự tốt,mặt khác cũng cho thấy cơ sở hạ tầng của chúng ta chưa đáp ứng được yêu cầu
- Chúng ta là một nước giàu tài nguyên và khoáng sản xong quản lý và khai thác chưa có hiệu quả cao, gây thất thoát lớn và ô nhiễm môi trường
- lực lượng lao động có tay nghề và trình độ cao còn thiếu nhiều,chưa đáp ứng được với yêu cầu của các doanh nghiệp
- Nhập siêu và lạm phát còn ở mức khá cao;thất nghiệp chưa thể giải quyết
- Thu hút đầu tư còn quá chú trọng vào hai nhóm ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ,trong khi ít quan tâm đến ngành nông nghiệp là thế mạnh của nước ta
- Cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ đang ngày càng được cải thiện song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế
- một số chính sách kinh tế còn rờm rà ,thiếu tính khách quan ,còn gây cản trở cho các doanh nghiệp
- Tuy đã hội nhập WTO nhưng một số cán bộ,công nhân còn chưa nắm rõ được tầm quan trọng và thách thức khi chúng ta hội nhập đã gây ra yếu kém trong khâu quản lý một phần nhất định

.....

Để có thể tận dụng một cách tối đa những thuận lợi và khắc phục triệt để những khó khăn và yếu kém còn tồn tại, chúng ta cần có các giải pháp ,phương hướng để đưa nền kinh tế phát triển ổn định ,toàn diện hơn nữa. Đó là:

Trong tình hình kinh tế đang suy thoái chúng ta cần phải cố gắng giữ vững tinh thần để đưa ra những quyết sách và đối sách hợp lý. Tiếp tục tập trung tổ chức tốt bộ máy lãnh đạo ,chỉnh sửa các thủ tục pháp lý và hàng rào thuế quan để tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước

- ✓ Kiểm chế lạm phát theo hướng giảm dần là một mục tiêu rất quan trọng ,ngoài ra cần ổn định kinh tế vĩ mô ,trước hết là chính sách tài chính và tiền tệ
- ✓ Đẩy mạnh phát triển sản xuất và kinh doanh, giúp hàng hóa trong nước có thể cạnh tranh được với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài
- ✓ Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng về chiều sâu, nhằm đáp ứng nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp
- ✓ Tiếp thu khoa học kỹ thuật sản xuất mới, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng
- ✓ Thay đổi cơ cấu kinh tế ,giảm tỷ trọng nông nghiệp ,tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ .Đặc biệt cần có những biện pháp để tăng tỷ trọng ngành dịch vụ bởi nước ta có những địa điểm du lịch rất nổi tiếng hàng năm thu hút hàng chục triệu lượt khách tham quan du lịch, là một nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước ,tạo công ăn việc làm cho nhiều người
- ✓ Chú ý phân bố dân cư và đầu tư kinh doanh hiệu quả cho các vùng kinh tế ,quan tâm nhiều hơn đến các vùng kinh tế khó khăn và kỹ thuật lạc hậu.Tập trung phát triển thế mạnh của từng vùng ,xây dựng các ngành và các khu công nghiệp trọng điểm để phát triển kinh tế của toàn bộ vùng đó
- ✓ Nâng cao chất lượng giáo dục , đào tạo ,y tế ,văn hóa ,giáo dục .Tiếp tục cải thiện tiền lương , đồng thời với việc triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội nhằm hỗ trợ cho người nghèo ,người có thu nhập thấp ...

III-kết luận

Sau khi đã phân tích chi tiết về tình hình tăng trưởng kinh tế của nước ta trong 5 năm gần đây, chúng ta đã thấy được những thành quả mà nhà nước ta đã đạt được , đồng thời cũng thấy được rằng nền kinh tế của nước nhà còn rất nhiều khó khăn ,hạn chế và yếu kém. Vì vậy trong những năm tới đây chúng ta cần nỗ lực cao hơn nữa để có thể bắt kịp với các nền kinh tế trên thế giới

the end

